



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 03 (15/01-19/01/24)

*Diễn biến dòng vốn nước ngoài, các quỹ ETF
và một số lưu ý*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Chỉ số tích lũy lại và chờ phiên giao dịch chạy đà củng cố xu hướng*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Diễn biến dòng vốn nước ngoài, các quỹ ETF và một số lưu ý*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ
4. PTKT VN-INDEX: *Chịu áp lực ngắn hạn, VN-Index vẫn giữ được các ngưỡng hỗ trợ quan trọng*
5. TIN VĨ MÔ: *Bộ Tài chính đề xuất áp thuế suất 5% với mặt hàng phân bón*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Bảo hiểm +3.67%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN
8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: *Chỉ số tích lũy lại và chờ phiên giao dịch chạy đà củng cố xu hướng*

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1154.70	0.00%
GTGD/phiên (tỷ VND)	18,131.96	5.84%
Khối ngoại (tỷ VND)	-409.01	
HNX-INDEX	230.31	-1.05%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1715.76	25.21%
Khối ngoại (tỷ VND)	-162.29	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4783.83	0.08%	1.84%	1.37%
EU (EURO STOXX)	4480.02	0.85%	0.37%	-1.53%
China (SHCOMP)	2881.98	-0.16%	-1.61%	-2.06%
Japan (NIKKEI)	35577.11	1.50%	6.59%	7.91%
Korea (KOSPI)	2525.05	-0.60%	-2.06%	-1.50%
Singapore (STI)	3191.72	-0.30%	0.23%	2.41%
Thailand (SET)	1413.53	0.38%	-1.01%	1.62%
Phillipines (PCOMP)	6643.18	0.45%	0.20%	2.54%
Malaysia (KLCI)	1487.34	0.29%	-0.02%	1.70%
Indonesia (JCI)	7241.14	0.29%	-1.49%	0.70%
Vietnam (VNIndex)	1154.70	-0.65%	0.00%	4.75%

TTCK VIỆT NAM

VN-Index duy trì 3 tuần tăng điểm liên tiếp

Phiên giảm điểm cuối tuần lấy đi hầu hết thành quả tăng điểm đầu tuần dù vậy VN-Index vẫn tăng nhẹ 0.02 điểm, qua đó duy trì tuần thứ 3 tăng điểm liên tiếp. Các cổ phiếu MBB, CTG và ACB là những mã tích cực, đóng góp 2.1 điểm cho VN-Index. Cổ phiếu ngân hàng đang là tâm điểm thị trường và đóng vai trò nâng đỡ chỉ số trước áp lực chốt lãi. CTG và SHB lọt vào top 10 cổ phiếu tăng điểm mạnh nhất HSX. Khối ngoại bán ròng là điểm trừ dù vậy dòng vốn nội đang trở lại hấp thụ khá tốt áp lực chốt lãi. KQKD quý IV sẽ dần được công bố trong một vài tuần tới là động lực giữ chân dòng tiền trước khi dần suy giảm trước kỳ nghỉ Lễ. Sau khi thực hiện chốt lãi một phần như tư vấn tuần trước, NĐT có thể canh nhịp giảm ngắn hạn để mua lại cho hoạt động giao dịch ngắn hạn.

Ngay từ đầu năm Thủ tướng đã ban hành công điện 02 chỉ đạo tháo gỡ vướng mắc liên quan đến định mức, đơn giá xây dựng, khai thác và cung ứng vật liệu xây dựng cho các dự án, công trình trọng điểm quốc gia. Các đơn vị liên quan như Bộ Xây dựng, Bộ GTVT, Bộ TN và MT và Chủ tịch tỉnh rà soát, hướng dẫn và phối hợp triển khai các nội dung công việc liên quan nhằm đẩy nhanh tiến độ các dự án qua đó đóng góp hoàn thành các mục tiêu KT-XH 2024. Theo báo cáo Bộ Tài chính, giải ngân vốn đầu tư công 12 tháng ước đạt 73.5% kế hoạch. Đây là con số khả quan về giá trị và tăng trưởng mạnh so với con số 67.2% cùng kỳ 2022 nhưng chưa đạt mục tiêu đầu năm. Đầu tư công vẫn là một trong những trụ cột quan trọng cho tăng trưởng và Chính phủ đã sớm thể hiện sự quyết liệt theo đuổi mục tiêu ngay từ đầu năm 2024

TTCK THẾ GIỚI

TTCK thế giới vận động trái chiều trước thông tin CPI và KQKD quý IV

Chỉ số PPI Hoa Kỳ bất ngờ giảm 0.1% cho dù trước đó CPI tăng 0.3% cao hơn dự báo các chuyên gia trong tháng 12. Cùng với KQKD quý IV, TTCK Hoa Kỳ phục hồi tăng 1.8%. TTCK Châu Âu tăng nhẹ 0.1% trong khi TTCK Châu Á phân hóa mạnh. TTCK Nhật Bản tăng mạnh 6.5% trong tuần trái ngược lại diễn biến tiêu cực TTCK Trung Quốc với mức giảm 1.4%. Chỉ số DXY giảm nhẹ 0.01%, lợi tức trái phiếu Chính phủ Hoa Kỳ 10 năm giảm 0.1%, giảm về dưới 4% về mức 3.94%. Chỉ số hàng hóa tiếp tục giảm 0.1%. Giá dầu giảm 1.5%, các kim loại giảm mạnh như quặng sắt -6.2%, HRC -9%. Trong tuần tới, một số thông tin về kinh tế vĩ mô Trung Quốc như GDP, thất nghiệp và lãi suất sẽ được công bố.

Thành viên FED, bà Bowman, người ủng hộ chính sách thắt chặt mạnh mẽ nhất cho biết đã điều chỉnh lập trường và cho rằng FED có thể ngừng tăng lãi suất. FED cần duy trì lãi suất thêm một thời gian để lạm phát hạ nhiệt. Thành viên FED này cho biết FED sẽ phụ thuộc vào diễn biến nền kinh tế chứ không gắn chặt với một lộ trình đặt ra từ trước. Fed sẽ họp chính sách vào ngày 30-31/01/2024. Thị trường kỳ vọng FED có thể giữ nguyên lãi suất và sau đó bắt đầu hạ lãi suất từ tháng 3/2024. Tuy nhiên dữ liệu việc làm tích cực công bố tuần trước, theo đó tháng 12 nền kinh tế Hoa Kỳ tạo 216 nghìn việc làm, tỷ lệ lạm phát duy trì ở mức 3.7% đã khiến cho thị trường giảm xác suất nhận định đợt giảm lãi suất FED diễn ra vào tháng 3 theo CME group

CHUYÊN MỤC TUẦN: Diễn biến dòng vốn nước ngoài, các quỹ ETF và một số lưu ý

1. Diễn biến về dòng vốn ngoại và ETF

Sự trở lại mạnh mẽ của dòng vốn ngoại nói chung và dòng vốn ETF nói riêng vào Q4/2022 đã nâng đỡ thị trường trước áp lực bán tháo trước đó, đồng thời xác nhận vùng đáy trung hạn để chỉ số chính thức bước vào nhịp hồi phục. Trạng thái tích cực của khối ngoại được duy trì đến hết Q1/2023 và bắt đầu đảo chiều sang trạng thái rút ròng. Trong 2023 khối ngoại đã bán ròng tổng cộng 22,818 tỷ đồng trên cả 3 sàn trong 09 tháng liên tiếp (từ T04 cho đến hết T12) và chưa có dấu hiệu dừng lại.

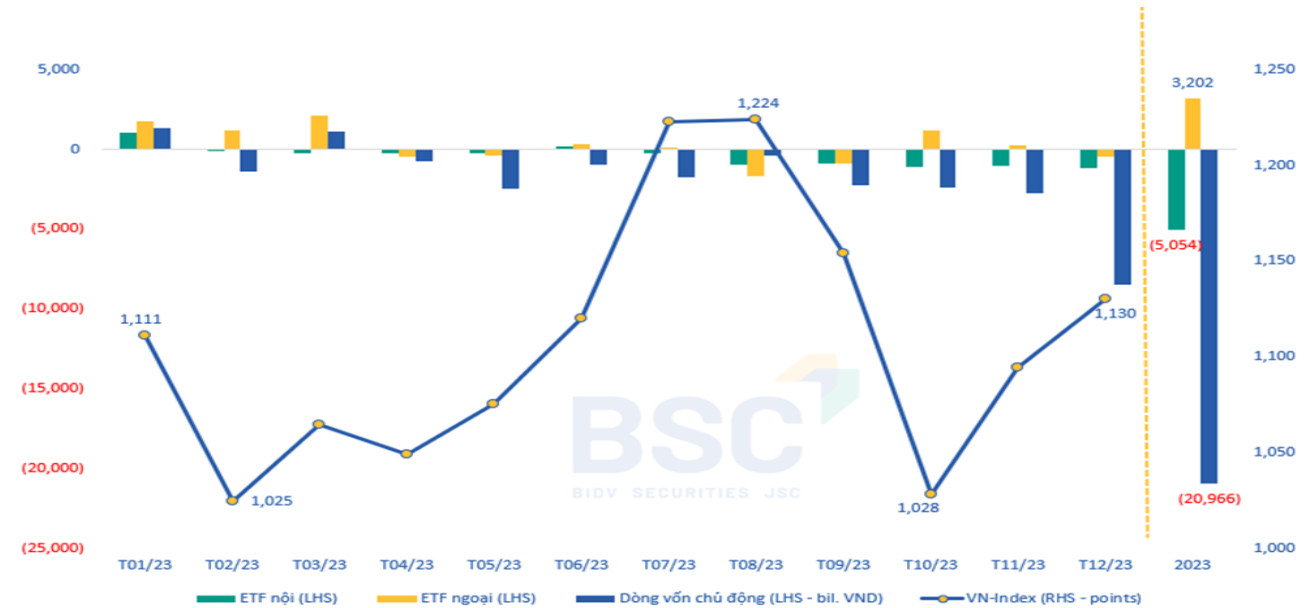
Khối ngoại rút ròng 20,966 tỷ đồng với lực bán chủ yếu đến từ dòng vốn chủ động với giá trị bán 20,966 tỷ đồng, ở nhóm ETF khả quan hơn khi rút ròng 1,852 tỷ đồng trong đó khối ngoại mua ròng (3,202 tỷ đồng) đối với các ETF ngoại và bán ròng mạnh 5,054 tỷ đồng đối với các ETF nội. Lực bán ETF nội tập trung diễn ra ở ETF Finlead (-2,240 tỷ đồng), ETF Diamond (-1,808 tỷ đồng) và ETF E1 (-567 tỷ đồng).

Diễn biến dòng vốn ETF có phần khả quan hơn, kể từ T10/2023 đến nay các Quỹ ETF chính đã bắt đầu mua ròng trở lại tuy nhiên giá trị vẫn rất thấp so với giai đoạn Q4/2022. Nhìn chung, các quỹ ETF đã rút ròng 7/12 tháng với tổng giá trị bán 95trUSD trong năm 2023, trong đó:

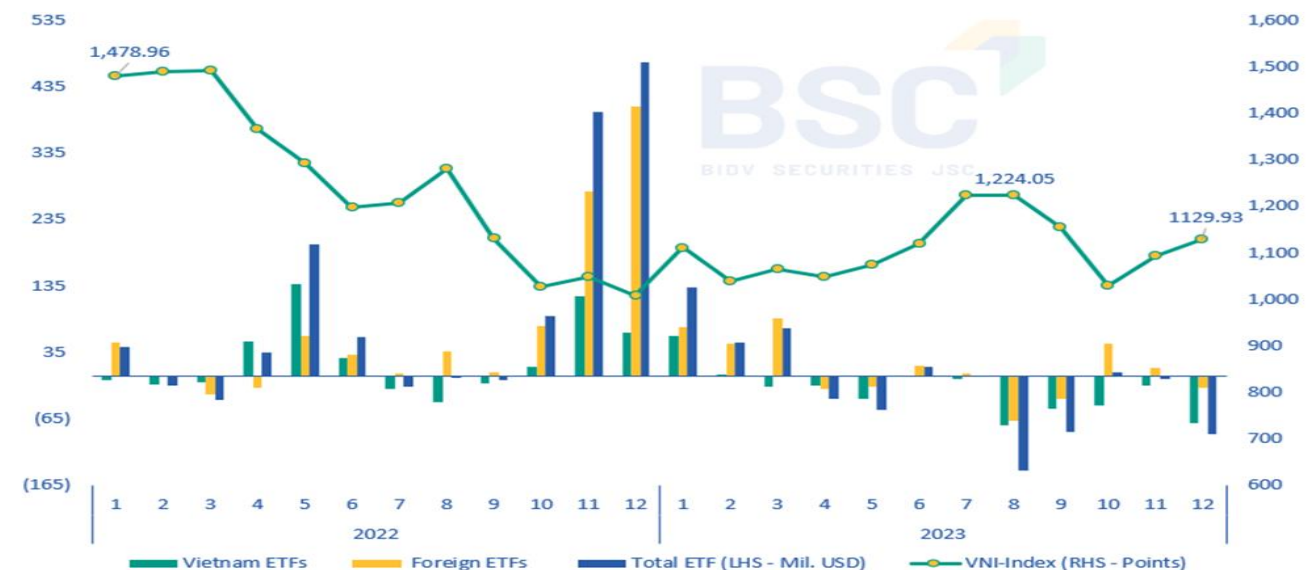
+ **ETF ngoại:** 3 ETF chính duy trì được trạng thái mua ròng Fubon (+19.51 trUSD), VNM (+130.56 trUSD), FTSE (+53.39 trUSD), đối với ETF VNM có sự tăng ròng mạnh khi chuyển đổi bộ chỉ số tham chiếu sang 100% cổ phiếu Việt Nam vào Q1/2023. Ở chiều ngược lại Quỹ ETF Kim rút ròng 43.7 trUSD, iShare rút 28.18 trUSD.

+ **ETF nội:** 3 ETF chính bị rút ròng mạnh trong 2023, cụ thể: Diamond (-123.21 trUSD), Finlead (-62.24 trUSD), E1 (-58.74 trUSD). Đà rút ròng tại các ETF này chưa có dấu hiệu dừng lại, một phần nguyên nhân đến từ áp lực rút ròng của các NĐT Thái Lan do quy định mới về đánh thuế thu nhập từ nước ngoài của chính phủ mới ban hành. Tuy nhiên kể từ cuối T09/2023 các NĐT Thái Lan đã hoạt động tích cực trở lại khi số lượng chứng chỉ lưu ký (DR) đã ghi nhận mức tăng ròng đối với cả 02 ETF nội (FUEVFN30 và E1VFN30).

Đồ thị 01: Mua/bán ròng của khối ngoại phân theo dòng vốn chủ động và ETF năm 2023



Đồ thị 02: Diễn biến các Quỹ ETF và VN-Index từ 2022 - 2023



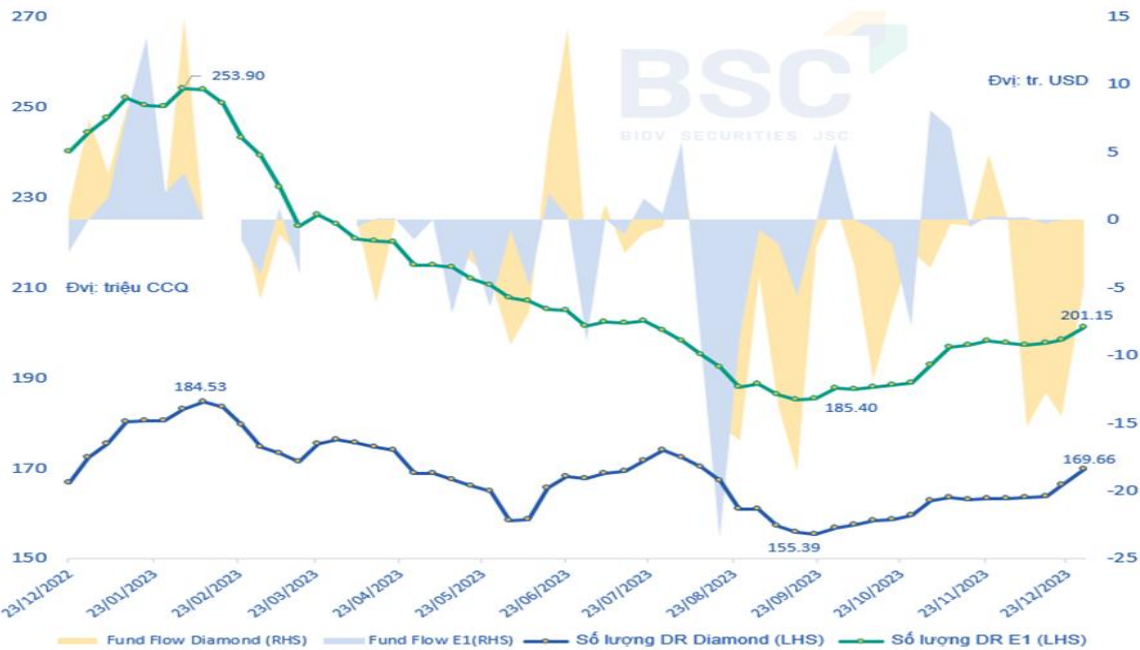
CHUYÊN MỤC TUẦN: Diễn biến dòng vốn nước ngoài, các quỹ ETF và một số lưu ý

Bảng 01: Diễn biến chi tiết mua/bán ròng các ETF chính trên thị trường năm 2023

	AUM (Mil. USD)	Jan_23	Feb_23	Mar_23	Apr_23	May_23	Jun_23	July_23	Aug_23	Sep_23	Oct_23	Nov_23	Dec_23	2023
Total	3,588	197.42	66.57	84.23	(35.32)	(84.42)	(5.66)	(1.84)	(142.51)	(85.00)	4.64	(4.45)	(88.50)	(94.86)
Foreign ETFs	2,450	72.52	47.99	87.04	(19.86)	(16.16)	14.84	3.77	(67.14)	(35.04)	49.10	10.99	(17.35)	130.69
Fubon	848	1.48	0.00	64.91	3.83	1.46	(0.98)	(7.44)	(53.33)	(23.91)	2.65	11.94	18.89	19.51
VNM	527	85.49	3.70	5.15	(25.13)	(4.84)	11.90	16.23	0.00	(2.66)	51.53	(5.39)	(5.42)	130.56
FTSE	353	27.62	20.27	5.10	4.38	0.80	7.30	1.38	(7.96)	0.00	(7.74)	2.45	(0.21)	53.39
Kim	201	(68.40)	17.00	6.20	(2.60)	0.00	4.10	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(43.70)
Premia	15	0.00	0.00	0.30	0.00	0.00	0.00	0.00	(0.90)	0.00	0.00	(0.30)	0.00	(0.90)
iShare (VN)	506	26.33	7.03	5.38	(0.35)	(13.59)	(7.48)	(6.40)	(4.95)	(8.47)	2.65	2.29	(30.61)	(28.18)
Vietnam ETFs	1,138	60.42	1.38	(15.99)	(14.60)	(35.00)	(2.18)	(5.61)	(75.37)	(49.96)	(44.46)	(15.44)	(71.15)	(267.95)
Diamond	711	28.96	(2.03)	(4.87)	(11.50)	(17.80)	9.20	(2.85)	(35.88)	(32.71)	(10.08)	4.10	(47.75)	(123.21)
E1	311	25.00	3.40	(5.80)	(1.90)	(16.20)	(11.70)	(0.76)	(35.49)	(1.95)	(27.53)	14.35	(0.16)	(58.74)
Finlead	95	6.46	0.01	(5.27)	(1.20)	(1.20)	1.40	(1.90)	(3.80)	(15.00)	(7.50)	(34.00)	(0.23)	(62.24)
SSI VN30	6	0.00	0.00	0.22	0.00	0.10	0.12	0.00	0.00	0.00	0.00	0.11	(22.95)	(22.40)
Mirae VN30	15	0.00	0.00	(0.26)	0.00	0.10	(1.20)	(0.10)	(0.20)	(0.30)	0.65	0.00	(0.06)	(1.37)

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Đồ thị 03: Số lượng DR của NĐT Thái Lan và dòng vốn ETF Diamond, E1



2. Hiệu suất và cơ cấu danh mục các ETF lớn đầu tư vào thị trường Việt Nam

ETF nội hiệu suất vượt trội so với ETF ngoại

Nhận xét:

+ ETF nội: là những ETF có hiệu suất tốt hơn các ETF ngoại, đặc biệt là ETF tham chiếu theo bộ chỉ số VN-Diamond với hiệu suất trung bình đạt 28.94%/năm kể từ khi đi vào hoạt động (CCQ do CTQLQ Dragon Capital quản lý). Năm 2022 khi thị trường bước vào giai đoạn sụt giảm mạnh ETF Diamond ghi nhận mức giảm ít nhất -20.14% trong khi đó các ETF ngoại ghi nhận mức giảm rất lớn (trung bình trên 36%). Đặc điểm của các ETF nội được thiết kế dựa trên các bộ chỉ số với mục đích đặc thù, phù hợp với bối cảnh của TTCK Việt Nam: (1) VN-Diamond – hướng đến các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, doanh nghiệp đã hết “room ngoại”, (2) VN-Finlead – hướng đến các cổ phiếu thuộc nhóm ngành tài chính dẫn đầu thị trường, (3) VN-Midcap – hướng đến nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình – đây cũng là ETF có hiệu suất tốt nhất thị trường trong 2023 (đạt 34.57%)

+ ETF ngoại: Quy mô đầu tư vào các cổ phiếu Việt Nam của ETF (Fubon, Vaneck, iShares, FTSE Vietnam) vào khoảng 1.87 tỷ USD, trong đó quỹ iShares đầu tư vào Việt Nam với tỷ trọng 29% (~ quy mô 147 trUSD), quỹ Vaneck bắt đầu chuyển sang đầu tư 100% cổ phiếu Việt Nam vào Q1/2023 nâng giá trị đầu tư lên hơn 500 trUSD – và cũng là ETF có hiệu suất đầu tư tốt nhất trong 04 ETF ngoại trên thị trường. Mặc dù là ETF có quy mô lớn nhất trên thị trường cũng như hoạt động tích cực trong các giai đoạn thị trường biến động mạnh nhưng ETF Fubon lại ghi nhận

Bảng 02: Hiệu suất đầu tư các ETF chính tại Việt Nam

ETF đại diện	Chỉ số tham chiếu	Ngày giao dịch đầu tiên	AUM (Tr USD)	Tỷ trọng 10 cổ phiếu lớn nhất trong danh mục (%)	% Hiệu suất				Trung bình/năm kể từ khi giao dịch
					2023	2022	2021	2020	
ETF nội			1,159.34						
FUEVFNVD	VN-Diamond	12/05/2020	711.25	82.27%	18.04%	(20.14%)	63.08%	63.81%	28.94%
E1VFN30	VN30	06/10/2014	311.09	61.10%	12.12%	(32.91%)	43.50%	21.95%	10.63%
FUESSVFL	VN-Finlead	18/03/2020	94.91	83.27%	28.57%	(36.17%)	64.69%	36.64%	21.18%
FUEVN100	VN100	21/07/2020	15.09	42.93%	18.38%	(39.71%)	53.98%	11.24%	6.01%
FUEKIVFS	VN-FinSelect	11/11/2022	12.04	67.84%	25.89%				
FUEDCMID	VN-Midcap	29/09/2022	8.48	45.01%	34.57%				
FUESSV50	VNX-50	24/10/2017	6.48	48.99%	18.86%	(38.65%)	44.94%	24.90%	7.33%
ETF ngoại			2,233.66						
Fubon	FTSE Vietnam 30	14/09/2021	847.79	70.58%	5.66%	(36.90%)	(1.51%)		(9.50%)
Vaneck	MarketVector Vietnam Local	14/08/2009	527.26	57.21%	15.06%	(43.73%)	22.05%	9.84%	(2.98%)
iShares	MSCI Frontier & Select Emerging	13/09/2012	506.09	30.45%	7.14%	(24.39%)	24.35%	(3.41%)	3.53%
FTSE Vietnam	FTSE Vietnam	06/02/2008	352.52	77.27%	1.15%	(40.66%)	43.30%	6.98%	(5.72%)

*Số liệu tính toán kết thúc tại ngày 31/12/2023, dựa trên thị giá giao dịch và chưa bao gồm tái đầu tư cổ tức

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Diễn biến dòng vốn nước ngoài, các quỹ ETF và một số lưu ý

Cơ cấu phân bổ các nhóm ngành trong các ETF chính trên TTCK Việt Nam

Nhóm ngành Ngân hàng và Bất động sản là 02 nhóm chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu danh mục của các ETF lớn đang đầu tư trên thị trường, đối với ETF nội thì nhóm Ngân hàng là nhóm chiếm tỷ trọng lớn nhất, trong khi đó nhóm Bất động sản là nhóm được phân bổ lớn nhất ở các ETF ngoại. Điều này phản ánh rõ nét về tác động và mức độ ảnh hưởng vốn hóa của nhóm Ngân hàng, Bất động sản trên TTCK Việt Nam – hiện 02 nhóm này chiếm tỷ trọng 52.2% vốn hóa của toàn thị trường trên 2 sàn HOSE và HNX trong đó nhóm ngân hàng chiếm 35.46% ~ giá trị vốn hóa 1.7 triệu tỷ đồng (số liệu kết thúc ngày 31/12/2023).

Nhận xét:

Từ năm 2022 đến nay, TTCK Việt Nam ghi nhận nhiều ETF mới được niêm yết và giao dịch trên thị trường. Trong nước, ETF Midcap, FinSelect (2022) lần lượt được các CTQLQ Dragon Capital, Kim ra mắt tiếp theo đó CTQLQ Bảo Việt, Mirae tiếp tục niêm yết CCQ ETF tham chiếu theo bộ chỉ số VN-Diamond, và CTQLQ FPT niêm yết CCQ ETF tham chiếu bộ chỉ số VNX-50 (2023). ETF ngoại cũng ghi nhận thêm 01 ETF mới đầu tư vào cổ phiếu Việt Nam dựa trên bộ chỉ số iEdge Vietnam 30 Sector do SGDCK Singapore cung cấp.

Nhóm cổ phiếu Ngân hàng, BĐS vẫn đang chiếm tỷ trọng lớn trong danh mục các quỹ, thị trường còn thiếu vắng nhiều công ty nổi bật ở các nhóm ngành, hiện tại nhóm CNTT (FPT), nhóm Bán lẻ (MWG), nhóm Thực phẩm và đồ uống (VNM, MSN) là số ít các doanh nghiệp được quỹ nắm giữ.

Nhìn chung, thị trường các quỹ ETF đang tiếp tục thu hút thêm các quỹ đầu tư mới cả trong và ngoài nước với số lượng tăng dần qua từng năm. Đặc biệt, trong trường hợp Việt Nam sớm được tổ chức FTSE nâng hạng lên TTCK mới nổi sơ cấp vào 2024-2025, các quỹ ETF sẽ tiếp tục phát triển mạnh trong thời gian tới – đặc biệt là dòng vốn từ các ETF ngoại tham chiếu theo bộ chỉ số của FTSE.

3. Dự báo dòng vốn ngoại và ETF năm 2024

(Trang sau)

Bảng 03: Tỷ trọng các nhóm ngành tại 06 ETF quy mô lớn nhất

Nhóm ngành	ETF nội			ETF ngoại		
	E1VFN30	FUEVFVND	FUESSVFL	Fubon	FTSE	Vaneck
Chỉ số tham chiếu	VN30	VN-Diamond	VN-Finlead	FTSE Vietnam 30	FTSE Vietnam	MarketVector VN
Bán lẻ	4.12%	12.79%				
Bảo hiểm	0.25%			0.53%		0.84%
Bất động sản	10.76%	5.91%		28.24%	31.34%	32.79%
Công nghệ Thông tin	8.52%	14.80%				
Dầu khí	0.37%			0.82%	1.33%	1.98%
Dịch vụ tài chính	2.94%		18.60%	12.92%	14.09%	16.08%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.17%			0.96%	0.91%	1.16%
Du lịch và Giải trí	2.62%			3.18%	3.04%	1.55%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp		14.03%		1.82%	1.74%	1.64%
Hàng cá nhân & Gia dụng		9.96%				
Hóa chất	0.29%			5.12%	4.14%	4.41%
Ngân hàng	52.20%	42.52%	81.37%	12.34%	11.61%	9.62%
Tài nguyên Cơ bản	7.29%			10.82%	14.96%	7.46%
Thực phẩm và đồ uống	8.97%			21.10%	15.88%	19.43%
Xây dựng và Vật liệu				1.50%	0.97%	3.02%
Tổng	99.50%	100.01%	99.97%	99.35%	100.01%	99.98%

**Số liệu tổng hợp ngày 31/12/2023*

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: *Diễn biến dòng vốn nước ngoài, các quỹ ETF và một số lưu ý*

BSC Research đưa ra 02 kịch bản cho dòng vốn ngoại và ETF trong 2024: trong kịch bản tích cực (KB2) dòng vốn ngoại sẽ tăng ròng 700 triệu USD với các yếu tố hỗ trợ bao gồm (1) Tình trạng chênh lệch lãi suất giữa USD-VND dần được thu hẹp khi FED bắt đầu thực hiện giảm lãi suất, (2) Tiến trình nâng hạng thị trường mới nổi sơ cấp do FTSE đánh giá có các tín hiệu tích cực, (3) Nhà đầu tư Thái Lan dần hoạt động tích cực trở lại sau khi quy định thuế mới có hiệu lực vào 01/01/2024 -> Khối ngoại sẽ quay trở lại mua ròng, dòng vốn có thể hướng đến các cổ phiếu có vốn hóa lớn, còn “room ngoại”, đáp ứng tiêu chí thanh khoản, tỷ lệ free-float – sự chuẩn bị đón đầu khi thị trường được nâng hạng. Ở chiều ngược lại, khối ngoại có thể sẽ bán ròng 200 triệu USD khi kết thúc năm 2024 khi các yếu tố trên không diễn ra thuận lợi.

Đối với diễn biến các ETF: Trong kịch bản tích cực NĐT Thái Lan sẽ dần quay trở lại mua ròng ở các ETF chính (Diamond, E1) sau quy định áp dụng thuế mới, bên cạnh sự chuyển biến và thu hút được nhiều dòng vốn mới đối với các ETF nội mới niêm yết trên thị trường, cụ thể như: ETF tham chiếu theo chỉ số VN-Diamond (CTQLQ Mirae, Bảo Việt), ETF FinSelect (CTQLQ Kim quản lý). ETF Fubon, FTSE, Vaneck được dự báo sẽ không có nhiều chuyển động lớn, sự kỳ vọng đối với các ETF ngoại đến từ các quỹ ETF mới khi vấn đề nâng hạng diễn biến tích cực hơn.

4. Một số lưu ý về kỳ cơ cấu danh mục các ETF nội trong năm 2024

- **Danh mục VN30:** dự kiến sẽ không có sự biến động trong danh mục VN30-Index vào kỳ đánh giá T01/2024.

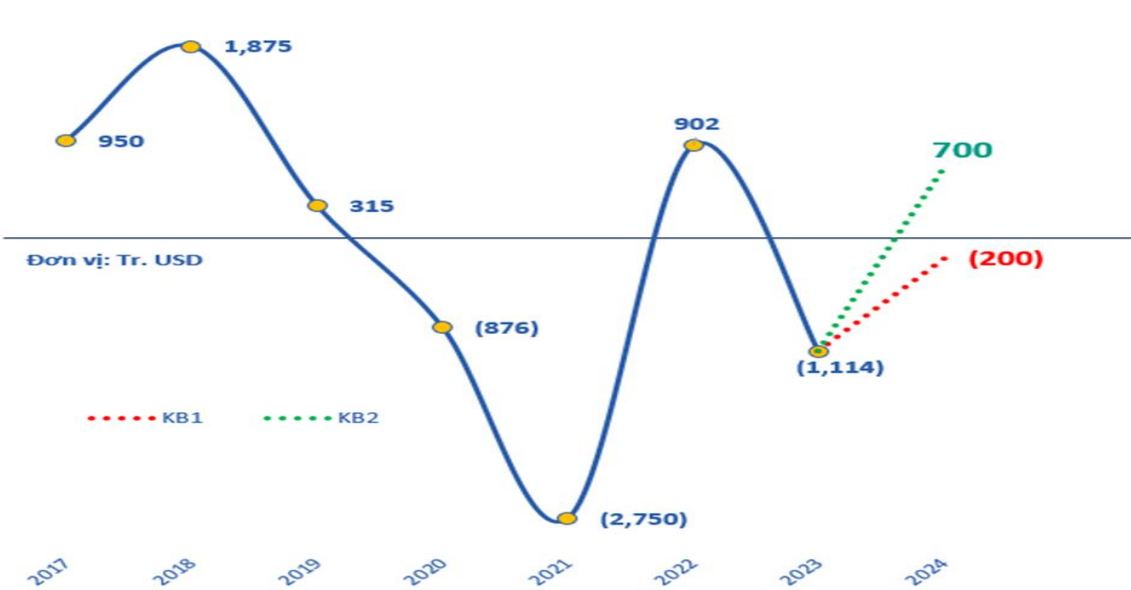
- Danh mục VN-Diamond:

Trong trường hợp, SGDCK Tp Hồ Chí Minh (Hose) vẫn giữ nguyên các quy định đối với chỉ số VN-Diamond Index, BSC Research đánh giá về khả năng bị loại của cổ phiếu MWG trong kỳ review T04/2024 như sau:

Trước áp lực bán của NĐTNN và báo cáo KQKD Q1-Q3/2023 không được như kỳ vọng khiến cổ phiếu MWG nhiều khả năng sẽ không đáp ứng được một số tiêu chí quan trọng trong bộ chỉ số VN-Diamond, cụ thể như sau:

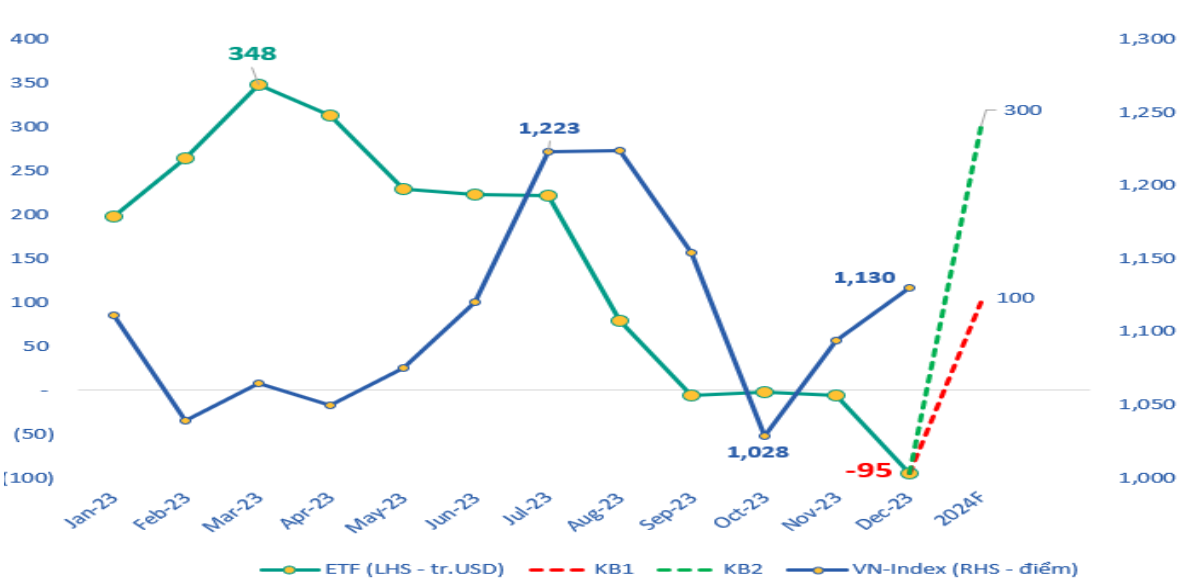
(Xem tiếp tại trang sau)

Hình 04: Dự báo dòng tiền khối ngoại năm 2024



Nguồn: Fiinpro, VBMA, BSC Research

Hình 05: Mua/bán ròng lũy kế 12 tháng và dự báo dòng tiền các Quỹ ETF



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: *Diễn biến dòng vốn nước ngoài, các quỹ ETF và một số lưu ý*

+ **Chỉ tiêu P/E:** BSC Research dự báo EPS Q4/2023 đạt 123VND do đó EPS 4 Quý gần nhất trong năm 2023 ước đạt 175, với giá đóng cửa ngày 11/01/2024 là 42,450 VND/cổ phiếu -> P/E dự kiến là 242 lần.

Theo quy định của bộ chỉ số các cổ phiếu đang thuộc rổ VN-Diamond để được ở lại trong rổ cần đáp ứng hệ số P/E nhỏ hơn hoặc bằng 3 lần hệ số P/E bình quân. Hệ số PE được tính lấy giá đóng cửa tại ngày chốt dữ liệu chia cho EPS trong 04 Quý gần nhất. Hệ số P/E bình quân là giá trị trung bình của các cổ phiếu đã qua các bước sàng lọc trước đó, ngoại trừ các cổ phiếu có P/E < 0 hoặc P/E > 100.

Theo quan sát của BSC Research, P/E hệ số bình quân các cổ phiếu đáp ứng qua các bước lọc thông thường dao động từ 17-18 lần -> hệ số P/E giới hạn cho các cổ phiếu đã trong rổ dao động từ 50-55 lần. Với EPS như hiện tại, P/E dự kiến của MWG sẽ không đáp ứng tiêu chí đã đề ra (>100 đồng thời cao hơn 3 lần hệ số P/E bình quân). Tuy nhiên, hệ số P/E này sẽ được lấy theo giá đóng cửa ngày chốt dữ liệu trong Q1/2024 do đó chỉ tiêu có thể sẽ tiếp tục thay đổi ***nhưng xác suất MWG bị loại ở tiêu chí này là rất cao nếu Hose giữ nguyên quy tắc của chỉ số***.

+ **Chỉ tiêu FOL:** được tính bằng tỷ lệ sở hữu của khối ngoại chia tỷ lệ giới hạn được phép nắm giữ của khối ngoại – đạt mức tối thiểu theo quy định. Hose sẽ sử dụng giá trị bình quân của FOL trong 12 tháng gần nhất để đánh giá thêm mới/loại bỏ cổ phiếu khỏi rổ chỉ số. Đối với các cổ phiếu thuộc rổ chỉ số thì hệ số FOL cần $\geq 80\%$.

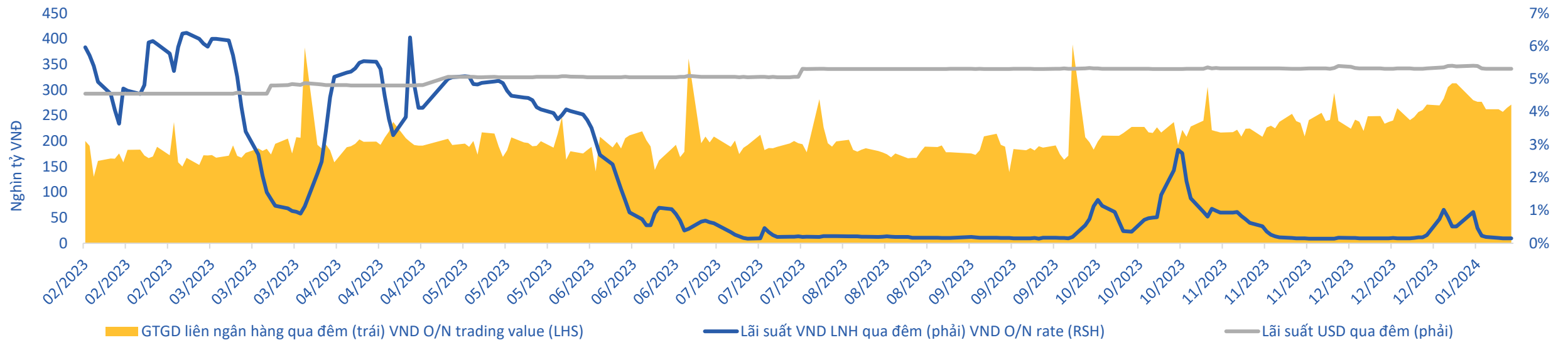
Theo tính toán giả định của BSC Research, trường hợp khối ngoại tiếp tục bán ròng khiến tỷ lệ sở hữu NĐTNN giảm xuống mức 40% tại các ngày cuối tháng từ T01/2024 – T03/2024 (~ bán ròng thêm khoảng 32 triệu cổ phiếu) thì hệ số FOL trung bình của MWG đạt 91.45% - vẫn đáp ứng quy định. Do đó chỉ tiêu hệ số FOL không đáng lo ngại so với chỉ tiêu P/E.

Trong trường hợp MWG bị loại khỏi chỉ số VN-Diamond, số lượng cổ phiếu có thể bị bán bởi các quỹ ETF khoảng 52 triệu cổ phiếu – tác động lớn đến diễn biến của cổ phiếu MWG nói riêng và bộ chỉ số VN-Diamond, VN30 nói chung.

- **Danh mục VN-Midcap:** Bên cạnh các bộ chỉ số chính đáng chú ý nêu trên, hiệu suất đầu tư của ETF Midcap kể từ khi niêm yết trên TTCK Việt Nam đến nay cũng là một điểm đáng lưu ý trong lựa chọn của các NĐT. Mặc dù ETF Midcap do CTQLQ Dragon Capital quản lý hiện đang nắm giữ 60/70 cổ phiếu nhưng đem lại hiệu suất đáng kể và minh chứng cho việc dòng tiền hướng đến các cổ phiếu vốn hóa trung bình, có tiềm năng tăng trưởng cao trong thời gian vừa qua, do đó, sự thay đổi danh mục chỉ số VN-Midcap cũng là một điểm cần chú ý trong năm 2024.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.15%	0.29%	0.52%	2.12%	3.10%	4.48%	5.76%
So với tuần trước	-0.31%	-0.40%	-0.59%	0.39%	-0.31%	0.00%	-0.14%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	263,792.50	13,049	4,657	640	4,980	72	3
So với tuần trước	-3.68%	-12.71%	55.87%	-53.62%	162.52%	0.70%	-72.09%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 11/01/2024

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Mặt bằng lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm bắt đầu giảm trở lại.

PTKT VN-INDEX: Chịu áp lực ngắn hạn, VN-Index vẫn giữ được các ngưỡng hỗ trợ quan trọng

Đồ thị ngày: Diễn biến giằng co trong tuần với 4 cây nến doji quanh 1,160 điểm (Fibonacci điều chỉnh 23.6% của nhịp hồi phục 11/2022) trước khi gặp phiên bán mạnh cuối phiên đẩy chỉ số về mức 1,154 điểm. Chỉ số RSI cũng đã thoát lui từ vùng quá mua sau khi có sự phân kỳ nhẹ. VN-Index dù vậy vẫn duy trì trên các đường trung bình động trung và dài hạn.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm từ 69 xuống 64 điểm.
- MACD duy trì trên đường tín hiệu và thu hẹp với mức 0. Thanh khoản tăng 34% so tuần.
- VN-Index giữ trên các đường SMA20, 50, 100 và 200.

Kết luận: Dấu hiệu chốt lãi diễn ra khi VN-Index tiến đến Fibonacci 23.6% và RSI đi vào vùng quá mua. Cây nến cuối tuần và khối lượng giao dịch tăng vọt cho thấy áp lực bán mạnh dù vậy lực cầu bắt đáy tốt ở vùng giá thấp hình thành cây nến doji và giữ trên SMA100 đồ thị ngày và SMA200 đồ thị tuần. Áp lực chốt lãi ngắn hạn gia tăng nhưng xu hướng tăng điểm chưa thay đổi. Quá trình tích lũy sẽ sớm diễn ra cùng với cây nến chỉ hướng sẽ xác nhận xu hướng tiếp theo trong ngắn hạn.

Đồ thị

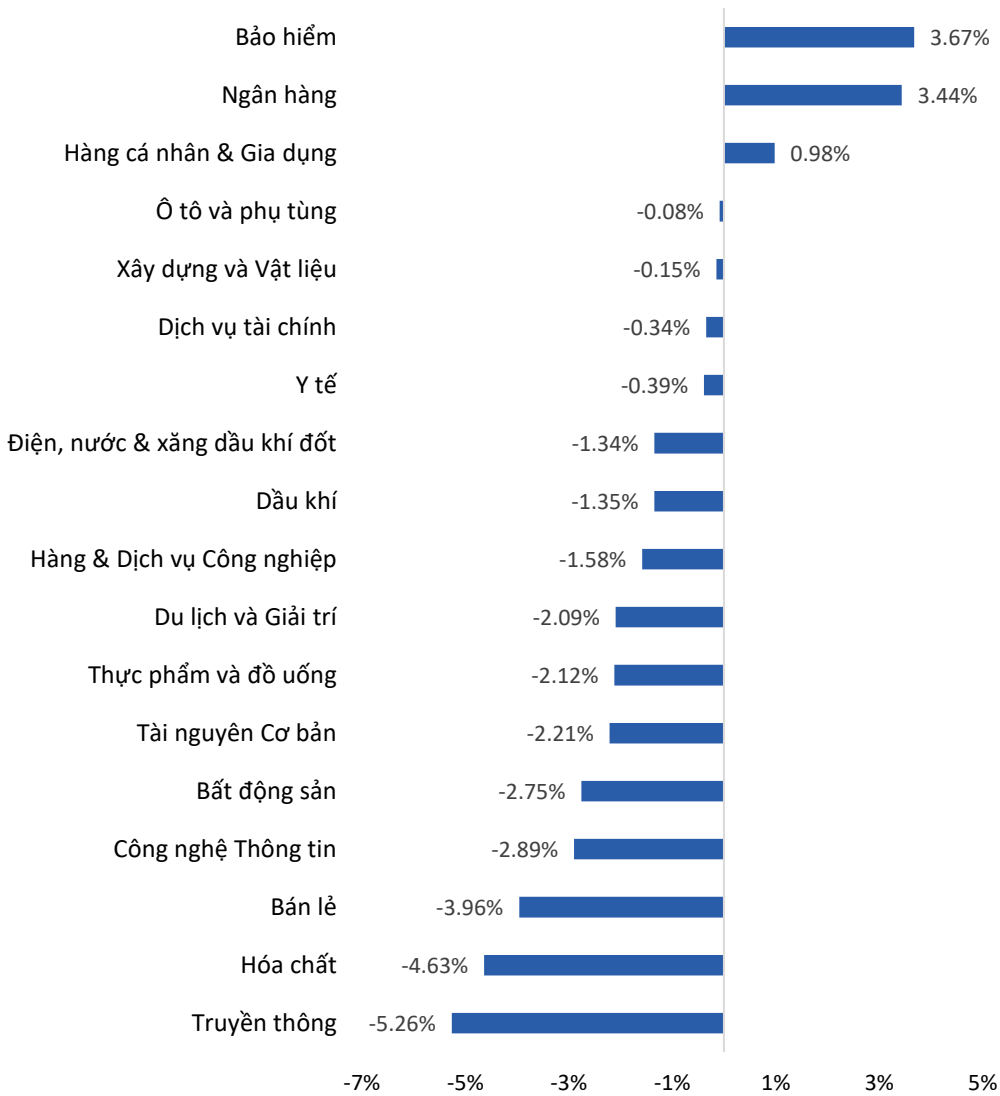


Nguồn: BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Bảo hiểm	-0.66%	3.67%	3.76%	BVH	2.28%	PVI	1.12%
Ngân hàng	0.29%	3.44%	8.77%	VCB	4.59%	VPB	-1.98%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.15%	0.98%	3.22%	TCM	1.10%	TNG	2.33%
Ô tô và phụ tùng	-0.40%	-0.08%	5.80%	VEA	3.31%	0	0.00%
Xây dựng và Vật liệu	-2.03%	-0.15%	0.74%	CTD	4.93%	HT1	2.17%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	72.68	0.92%	-1.53%	1.25%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	78.29	1.14%	-0.60%	1.99%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USD/gal.	212.03	0.28%	0.70%	-1.27%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	2049.0601	0.99%	0.18%	1.46%		PNJ
Bạc	USD/oz.	23.1947	1.95%	0.01%	-2.77%		PNJ
Đậu tương	USD/bu.	1224.25	-0.99%	-2.55%	-8.05%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USD/bu.	596	-1.28%	-3.25%	-5.28%		AFX
Sữa	USD/cwt	15.9	0.19%	2.38%	-1.49%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	260.6	2.12%	1.44%	8.86%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USD/lb.	21.61	-0.69%	2.37%	-1.73%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USD/lb.	180	-2.20%	-1.53%	-4.91%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8339	-0.19%	-1.47%	-2.46%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	3915	0.20%	-2.39%	-0.43%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2219.5	-0.69%	-2.38%	-1.25%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	963.5	-0.21%	-3.99%	2.17%		HPG
Than đá	USD/MT	127.25	0.79%	-2.49%	-9.01%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	4040	0.55%	-1.61%	-0.17%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

TIN VĨ MÔ: Bộ Tài chính đề xuất áp thuế suất 5% với mặt hàng phân bón

VIỆT NAM:

- Chính phủ: ban hành Công điện số 02 ngày 09/01/2024 chỉ đạo tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến định mức, đơn giá xây dựng; khai thác, cung ứng vật liệu xây dựng cho các dự án, công trình giao thông trọng điểm, quan trọng quốc gia.
- Bộ Tài chính: Bộ Tài chính đề xuất áp thuế suất 5% với mặt hàng phân bón thay vì không chịu thuế như hiện tại, khi sửa Luật Thuế giá trị gia tăng (VAT).
- NHNN: Thông tư 22/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ có hiệu lực từ 01/07/2024. Theo đó, Thông tư sửa đổi, bổ sung quy định về hệ số rủi ro tín dụng.
- Bộ Tài Chính: đang lấy ý kiến góp ý với dự thảo Thông tư bãi bỏ các Thông tư trong lĩnh vực tài chính ngân hàng trong đó đề xuất bãi bỏ toàn bộ 6 Thông tư về Tài chính ngân hàng.
- Bộ GTVT: Sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết 220/NQ-CP trong đó có nhiệm vụ thực hiện quy trình phá sản Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (SBIC, tiền thân là Vinashin), Bộ Giao thông vận tải đã tiến hành các bước để thực hiện quy trình phá sản này.
- Bộ KH&ĐT: sẽ tiếp tục tham mưu Chính phủ ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông, đặc biệt là nguồn lực để triển khai cao tốc Bắc - Nam. Việt Nam cần tập trung nguồn lực đầu tư các công trình, dự án lớn, như đường cao tốc, liên vùng, ven biển - các dự án này tạo "quả đấm thép" cho đột phá hạ tầng của đất nước, địa phương.

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch Mỹ (SEC) xác minh rằng thông báo phê duyệt quỹ giao dịch hoán đổi danh mục (ETF) Bitcoin trên mạng xã hội X là không chính xác.
- Nhật Bản: BoJ được cho là đã chuyển sang bán ròng cổ phiếu vào 2023 – lần đầu tiên kể từ năm 2010
- Trung Quốc: PBOC có thể sử dụng các hoạt động thị trường mở, các cơ sở cho vay trung hạn và yêu cầu dự trữ cùng với các công cụ chính sách tiền tệ khác để hỗ trợ cho tăng trưởng tín dụng.
- Hàn Quốc: Cơ quan Giám sát tài chính quốc gia Hàn Quốc (FSS) thông báo sẽ bắt đầu điều tra mở rộng đối với các ngân hàng và công ty môi giới trong nước đã bán loại trái phiếu kỳ lạ liên kết với chứng khoán Trung Quốc với tổng trị giá hơn 10 tỉ đô la Mỹ
- Samsung: Samsung cho biết trong quý cuối năm 2023, lợi nhuận hoạt động có thể đạt 2.8 ngàn tỷ Won (tương đương 2.13 tỷ USD), giảm 35% so với cùng kỳ nhưng cao hơn mức 2.43 ngàn tỷ Won của quý trước đó – lệch xa so với dự báo của các chuyên gia.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- KQKD quý IV của các công ty niêm yết.
- Xu hướng được nâng đỡ bởi các cổ phiếu Ngân hàng, tạo điều kiện cho dòng tiền luân chuyển.
- 15/1, Chỉ số sản xuất công nghiệp, cán cân thương mại EU. 16/1, Tỷ lệ thất nghiệp Anh, FDI Trung Quốc, CPI Canada. 17/1, Chỉ số sản xuất công nghiệp, bán lẻ, thất nghiệp và GDP quý IV/năm của Trung Quốc, CPI Anh, Doanh thu bán lẻ Hoa Kỳ. 18/1, Đơn xin trợ cấp thất nghiệp, giấy phép xây dựng và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 19/1, Lãi suất 1 và 5 năm Trung Quốc; Doanh thu nhà qua sử dụng Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% tăng	Điểm số
VCB	0.03%	3.47
CTG	0.09%	3.34
BID	0.03%	2.13
TCB	0.04%	1.27
MBB	0.04%	1.10
VPB	0.02%	0.89
SHB	0.06%	0.67
EIB	0.05%	0.37
ACB	0.01%	0.34
BVH	0.05%	0.33

Tổng 13.91

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% giảm	Điểm số
VHM	-0.04%	-1.95
GVR	-0.06%	-1.39
GAS	-0.03%	-1.20
MSN	-0.05%	-1.10
VIC	-0.02%	-1.04
HPG	-0.02%	-0.94
FPT	-0.03%	-0.85
VNM	-0.02%	-0.83
MWG	-0.04%	-0.71
DGC	-0.04%	-0.37

Tổng -10.38

Khối ngoại mua ròng (HSX+HNX)

Mã	Mua ròng	SHNN
VCB	337.30	0.01
STB	190.86	23.50
HPG	167.75	24.81
IDC	144.19	1.49
VPB	132.92	13.72
OCB	131.68	
CTG	99.13	27.20
PLX	88.33	17.17
ASM	87.29	2.04
MWG	67.06	47.09

Tổng 1,446.52

Khối ngoại bán ròng (HSX+HNX)

Mã	Mua ròng	SHNN
FUEVFN	-417.93	
VNM	-301.00	55.16
SHS	-192.66	12.02
VRE	-145.66	33.34
PVD	-130.59	22.09
MSN	-129.60	
HDG	-129.44	23.36
PVS	-125.31	21.48
DGC	-117.32	16.44
BCM	-115.39	2.33

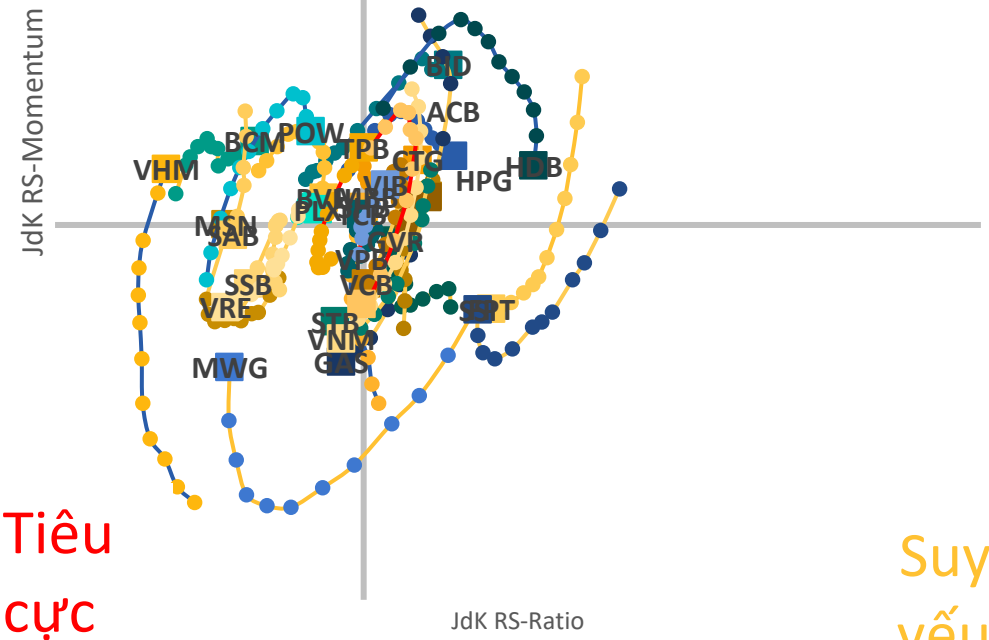
Tổng -1804.90

Vận động cổ phiếu VN30

ACB	105.8053	101.8349
BID	105.5059	104.2636
CTG	103.5128	101.7259
HDB	111.0183	101.5809
HPG	104.1793	100.769
MBB	104.1544	100.7373
SHB	100.0227	100.4715
TPB	100.0261	102.0596
VIB	101.423	101.0675
BCM	92.9555	102.232
BVH	97.43193	100.7238
MSN	91.06105	100.0084
PLX	97.03189	100.4132
POW	96.58023	102.4926
TCB	99.86355	100.2852
VHM	87.20539	101.4899
VIC	89.61293	101.6617
FPT	108.2703	97.7547
GVR	102.0522	99.57591
SSI	107.4027	97.74461
VCB	100.1735	98.42969
VJC	107.4486	99.99988
GAS	98.55406	96.35027
MWG	91.3213	96.20768
SAB	91.53995	99.72725
SSB	92.53047	98.43172
STB	98.15891	97.42308
VNM	98.55211	96.96222
VPB	99.88327	97.88222
VRE	91.06609	97.80095

Hồi
phục

Tích
cực



Tiêu
cực

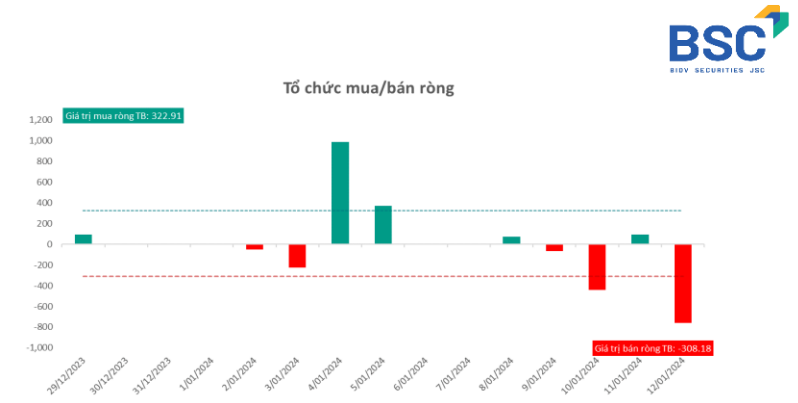
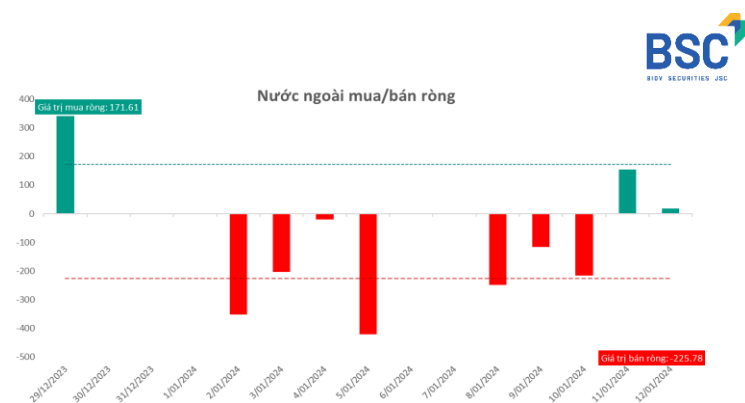
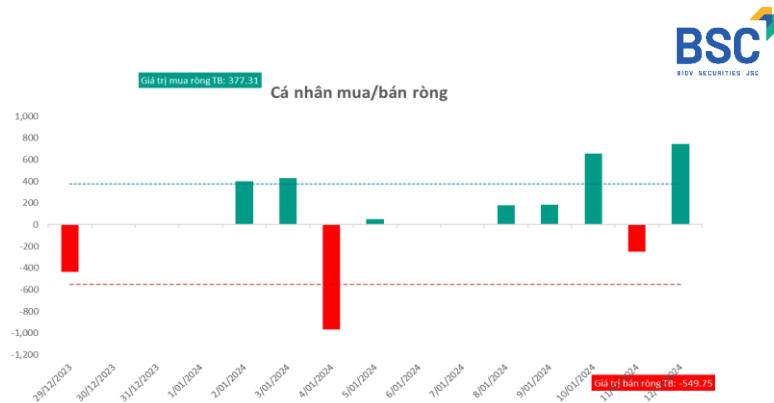
Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
FUESSVFL	11,667,000	207.45	STB	5,464,800	-149.28	DGC	1,128,934	107.01	FUESSVFL	11,430,300	-203.33	STB	6,774,100	186.86	NVL	14,415,428	-251.92
FUEVFNVD	4,346,100	107.03	EVF	8,623,636	-137.45	PLX	1,569,684	54.09	VNM	2,350,996	-159.74	VNM	2,584,094	175.54	SRC	5,884,840	-176.55
NVL	5,030,600	88.73	PET	4,289,900	-102.45	SAB	814,467	52.81	MSN	2,259,882	-138.54	EVF	10,166,420	163.52	VHM	3,002,797	-113.52
VHM	114,500	4.56	EIB	5,789,990	-101.25	NKG	2,277,090	52.77	MWG	3,331,310	-129.33	MWG	3,926,610	152.29	CTR	991,157	-92.27
DPM	125,600	4.10	TCB	2,543,690	-76.04	HPG	1,756,159	46.77	STB	4,661,000	-129.32	EIB	7,263,047	134.57	SAB	1,201,167	-77.85
HAH	109,900	3.98	HPG	2,268,030	-60.41	HAG	4,202,409	46.70	VIC	2,513,124	-105.23	MSB	9,023,159	122.09	NLG	1,926,722	-72.06
VHC	53,000	3.57	POW	3,661,000	-41.24	NLG	1,206,884	45.05	FUEVFNVD	3,881,160	-85.95	MSN	1,783,961	109.65	NKG	2,779,270	-64.09
VND	164,880	3.52	SSI	1,059,096	-33.42	CTR	439,062	39.61	SSI	2,636,079	-82.45	SSI	3,450,923	108.30	HAG	5,164,209	-56.60
HSG	155,150	3.20	FPT	347,326	-31.72	FRT	380,057	39.37	VCB	841,742	-71.52	TCB	2,724,500	79.94	PLX	1,419,284	-48.98
PDR	100,351	2.71	VPB	1,039,101	-19.78	EVF	2,034,002	34.58	DXG	3,025,385	-58.68	VCB	840,413	71.40	PC1	1,793,365	-47.60

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	88.7	-0.70%	0.70	20,314.00	6.90	6,013.00	14.80	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	46	-1.10%	1.00	10,744.00	5.80	3,887.00	11.80	54,578	17.10%	Link
VPB	Ngân hàng	19.6	0.00%	1.10	6,388.00	20.10	1,532.00	12.80	23,685	16.60%	Link
TCB	Ngân hàng	34.6	1.50%	1.10	5,001.00	14.50	4,864.00	7.10	-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	21.4	3.40%	1.20	4,561.00	40.20	3,668.00	5.80	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	29.9	1.40%	1.10	2,310.00	50.40	3,825.00	7.80	31,200	24.40%	Link
GVR	BĐS KCN	20.4	-3.80%	1.70	3,344.00	3.00	583.00	35.00	19,100	0.50%	Link
KBC	BĐS KCN	30.9	-2.50%	1.60	972.00	13.20	1,880.00	16.40	42,500	20.30%	Link
IDC	BĐS KCN	52.5	-0.90%	1.30	710.00	8.30	3,177.00	16.50	45,900	11.10%	Link
VGC	BĐS KCN	51.6	-2.10%	1.50	948.00	1.60	3,078.00	16.80	-	4.80%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.2	-1.30%	1.30	6,469.00	31.80	322.00	84.40	23,300	26.40%	Link
VHM	Bất động sản	41.3	-1.70%	1.40	7,369.00	14.10	9,468.00	4.40	79,900	24.20%	Link
VRE	BĐS	23	-1.50%	1.30	2,151.00	5.70	1,818.00	12.70	38,900	32.10%	Link
KDH	BĐS	29.9	-1.20%	1.30	979.00	3.50	1,079.00	27.70	44,100	38.90%	Link
NLG	BĐS	36.4	-1.20%	1.20	574.00	3.80	1,643.00	22.20	46,100	41.40%	Link
DGC	Hóa chất	91.6	-1.00%	1.40	1,425.00	6.70	8,970.00	10.20	85,000	13.50%	Link
DPM	Phân bón	32.8	-2.40%	1.00	525.00	5.00	4,017.00	8.20	41,000	15.40%	Link
DCM	Phân bón	31.5	-2.60%	1.30	683.00	5.70	3,050.00	10.30	36,000	11.40%	Link
GAS	Dầu khí	75.1	-1.20%	0.70	7,068.00	2.50	5,283.00	14.20	110,500	2.90%	Link
PLX	Dầu khí	35	-1.40%	1.00	1,820.00	1.40	2,628.00	13.30	45,000	17.30%	Link
PVS	Dầu khí	36.8	0.80%	1.00	721.00	6.40	1,846.00	19.90	38,500	20.30%	Link
PVD	Dầu khí	26.9	-0.40%	1.00	613.00	5.90	780.00	34.50	29,000	21.30%	Link
POW	Tiện ích	11.4	-1.70%	0.80	1,099.00	3.90	609.00	18.80	14,500	6.20%	Link
VNM	F&B	67.2	-1.00%	0.70	5,755.00	9.00	4,027.00	16.70	81,700	54.40%	Link
MSN	F&B	64.8	-2.00%	1.70	3,799.00	6.30	570.00	113.70	27,700	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	41.9	-1.30%	1.40	2,511.00	12.30	476.00	88.00	63,800	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	85	-1.40%	0.70	1,165.00	3.70	5,506.00	15.40	83,500	49.00%	Link
VHC	Thủy sản	65.4	1.10%	0.80	602.00	2.10	5,665.00	11.50	90,900	32.10%	Link
GMD	Logistics	70.3	-1.70%	0.90	881.00	4.70	7,504.00	9.40	57,000	47.00%	Link
FPT	Công nghệ	94.7	-0.30%	0.80	4,928.00	10.10	4,798.00	19.70	108,000	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	31.5	1.60%	1.10	6,931.00	22.20	3,773.00	8.30	1.20	27.10%	16.10%
ACB	Ngân hàng	25.8	2.20%	1.00	4,106.00	27.00	3,838.00	6.70	1.50	30.00%	25.20%
HDB	Ngân hàng	20.9	0.50%	0.70	2,477.00	5.10	2,926.00	7.10	1.50	19.60%	23.20%
LPB	Ngân hàng	16.6	0.30%	0.80	1,740.00	7.00	1,412.00	11.80	1.60	2.60%	15.90%
VIB	Ngân hàng	21	-0.50%	1.20	2,188.00	8.30	3,499.00	6.00	1.50	20.50%	28.80%
VND	Chứng khoán	21.8	-0.70%	1.80	1,088.00	18.40	957.00	22.80	1.70	22.60%	3.80%
TPB	Ngân hàng	18.6	0.30%	1.10	1,673.00	14.40	2,493.00	7.40	1.30	29.80%	19.80%
SSI	chứng khoán	33.8	-0.10%	1.40	2,079.00	35.00	1,342.00	25.20	2.30	43.20%	9.00%
CII	Xây dựng	18.1	-3.70%	1.70	236.00	13.50	368.00	49.20	-4.50	6.50%	2.60%
C4G	Xây dựng	11.6	-2.50%	1.80	-	0.70	458.00	25.40	1.10	0.00%	5.20%
CTD	Xây dựng	67.6	-2.00%	1.10	275.00	5.70	1,388.00	48.70	0.80	44.30%	0.80%
HHV	Xây dựng	15.4	-1.90%	1.60	260.00	5.80	1,004.00	15.30	0.70	6.70%	4.20%
LCG	Xây dựng	12	-2.50%	1.50	92.00	2.60	456.00	26.00	0.90	2.10%	3.80%
BCM	KCN	59.9	-0.80%	0.70	2,540.00	1.30	432.00	138.80	3.70	2.10%	1.70%
HUT	KCN	20.2	-2.90%	1.60	739.00	8.90	54.00	375.90	2.00	1.60%	1.30%
PHR	KCN	48.1	-2.90%	1.20	267.00	0.90	6,566.00	7.30	1.80	15.80%	26.90%
SZC	KCN	35.1	-1.30%	1.60	259.00	1.40	1,673.00	21.00	2.50	3.20%	10.90%
HSG	Vật liệu	21.7	-1.80%	1.70	548.00	11.10	49.00	445.40	1.30	22.10%	2.30%
HT1	Vật liệu	12.6	-1.20%	1.30	196.00	0.20	53.00	235.10	1.00	3.10%	1.30%
NKG	Vật liệu	23.4	-0.60%	1.80	252.00	7.00	(974.00)	-24.00	1.20	16.00%	13.50%
PTB	Vật liệu	57	0.40%	0.50	156.00	0.80	4,721.00	12.10	1.40	20.90%	13.40%
KSB	Vật liệu	28.2	-2.90%	1.80	88.00	2.90	1,210.00	23.40	1.10	3.00%	5.80%
NVL	BĐS	16.3	-3.30%	1.50	1,302.00	18.70	(309.00)	-52.80	0.90	3.50%	1.90%
DXG	BĐS	18.8	-2.30%	2.20	555.00	19.90	(456.00)	-41.20	1.20	20.00%	3.40%
HDC	BĐS	30.7	-3.80%	1.50	170.00	6.10	1,898.00	16.20	2.20	1.30%	16.90%
DIG	BĐS	26.4	-2.60%	1.80	658.00	33.40	182.00	145.00	2.10	5.20%	1.10%
IJC	BĐS	14	-1.70%	1.50	145.00	1.10	1,398.00	10.10	0.90	5.90%	10.90%
BSR	Dầu khí	18.4	-0.50%	1.40	-	4.50	2,493.00	7.40	1.00	0.80%	9.70%
PVT	Dầu khí	26.1	-0.20%	0.70	346.00	7.20	2,926.00	8.90	1.20	12.30%	16.40%
PLC	Vật liệu	30.8	-3.40%	1.30	102.00	0.20	1,287.00	23.90	1.90	1.20%	8.50%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Săm lốp	26.8	-1.50%	0.90	130.00	1.60	1,969.00	13.60	1.80	13.60%	13.50%
REE	Tiện ích	55.1	-1.30%	0.60	923.00	1.80	5,879.00	9.40	1.30	49.00%	18.50%
GEX	Tiện ích	21.3	-3.60%	1.80	743.00	23.50	511.00	41.70	1.50	12.60%	5.40%
NT2	Tiện ích	25.8	-0.60%	0.70	305.00	1.80	1,439.00	18.00	1.80	13.40%	16.20%
HDG	Bất động sản	25	-2.30%	1.20	313.00	3.50	2,194.00	11.40	1.40	22.80%	16.80%
PC1	Tiện ích	26.8	-3.20%	1.60	342.00	3.60	936.00	28.60	1.80	8.50%	5.00%
GEG	Tiện ích	12.8	-1.90%	0.80	179.00	0.20	308.00	41.50	1.00	45.90%	5.60%
BCG	Tiện ích	8.7	3.60%	2.00	190.00	3.10	(118.00)	-73.80	0.70	1.70%	0.30%
SAB	F&B	61.1	-0.50%	0.70	3,211.00	1.20	3,286.00	18.60	3.20	61.70%	18.70%
QNS	F&B	44	0.20%	0.50	-	1.00	5,496.00	8.00	2.00	15.50%	24.30%
FRT	Bán lẻ	97.8	-0.30%	0.70	546.00	1.30	(1,103.00)	-88.70	8.60	36.20%	11.80%
DGW	Bán lẻ	54.8	0.20%	1.50	375.00	4.80	2,517.00	21.80	3.60	23.40%	21.90%
DBC	F&B	26	-2.70%	1.80	253.00	10.30	(250.00)	-101.90	1.30	4.50%	2.90%
PET	Bán lẻ	26.2	-2.10%	1.30	114.00	0.50	735.00	35.60	1.60	1.00%	5.70%
BAF	F&B	25.6	0.00%	0.10	150.00	2.00	399.00	64.10	2.10	0.30%	10.20%
ANV	Thủy sản	30.6	-2.20%	1.50	167.00	2.60	1,118.00	27.40	1.50	3.00%	10.00%
VSC	Logistics	29.3	-3.90%	1.00	160.00	4.30	1,010.00	29.00	1.40	2.50%	7.90%
HAH	Logistics	38.4	-1.70%	1.40	166.00	5.00	4,676.00	8.20	1.60	3.90%	24.60%
CTR	Công nghệ	90	-2.70%	0.90	422.00	0.90	4,346.00	20.70	5.70	10.10%	32.10%
TNG	Dệt may	19.7	-3.00%	1.20	92.00	1.90	2,030.00	9.70	1.40	18.60%	17.10%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

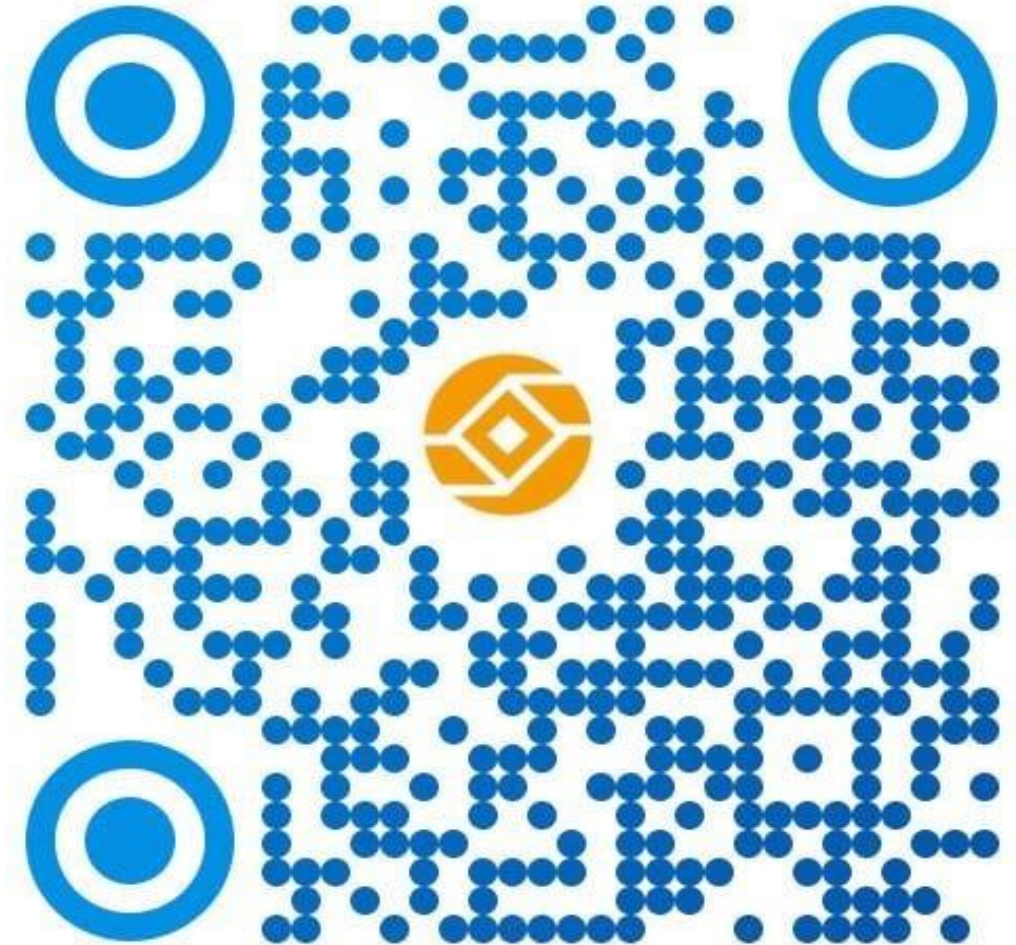
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký